TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17-3-2022
Về: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Di
2. Ông Nguyễn Bá Lộc

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Nga, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà***: Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 357/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 14/QĐST-HPT ngày 28-02-2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà Kim Thị Th, sinh năm 1985; HKTT: Xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: Xã P, huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1981; HKTT và địa chỉ hiện nay: Xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2021 và quá trình tố tụng tại tòa bà Kim Thị Th trình bày: Bà Kim Thị Th đăng ký kết hôn với ông Trần Văn Q vào ngày 24-7-2007 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng có 02 con chung là: Trần Thế T, sinh ngày 29-9-2008 và Trần A, sinh ngày 16-8-2012.

Từ tháng 01 năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông Q và mẹ thường xuyên chửi, mắng và yêu cầu bà Th ra khỏi nhà. Đến Tháng 6 năm 2016, do không thể sống chung được với nhà bên chồng nên bà Th đưa theo 02 con chung với ông Q đi ra khỏi nhà và thuê phòng trọ mẹ con sinh sống, ông Q bà Th từ sống ly thân đến nay.

Sau khi sống ly thân, ông Q không hề đến thăm nom và chu cấp tiền để bà Th nuôi 02 con, tự bà Th đi làm, chăm sóc và nuôi dạy 02 con.

Tại phiên tòa bà Th nhận thấy tình cảm đối với ông Q không còn, bà yêu cầu được ly hôn. Yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập ông Trần Văn Q đến Toà giải quyết ly hôn nhưng ông Q vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Kim Thị Th yêu cầu ly hôn ông Trần Văn Q, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Q đăng ký HKTT và sinh sống tại xã P, huyện Đ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Th và ông Trần Văn Q sống chung từ năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên hôn nhân giữa bà Th và ông Q là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Kim Thị Th xác nhận: Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm sống nên ông Q và mẹ chửi, mắng và đuổi mẹ con bà Th ra khỏi nhà, do không giải quyết được mâu thuẫn đến tháng 6 năm 2016 thì bà Th đưa con đi sống riêng. Nay bà Th nhận thấy không còn tình cảm đối với ông Q yêu cầu được ly hôn.

Về phía ông Q, Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa lấy lời khai và hòa giải nhưng ông Q không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông Q không muốn duy trì cuộc sống chung với bà Th. Theo xác nhận của địa phương: Ông Q cưới bà Th vào năm 2007, sau khi cưới thì bà Th về làm dâu bên chồng sống với nhà chồng tại ấp Phước Thái, xã P, huyện Đ. Thời gian sinh sống tại nhà chồng bà Th là người chăm sóc gia đình và nuôi dạy con rất tốt, ông Q là người chồng nhưng không có trách nhiệm đối với gia đình, vợ con. Bà Th có ý kiến góp ý thì giữa vơ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, do không thể chung sống được với nhà chồng nên bà Th đưa các con đi sống

riêng từ tháng 6 năm 2016 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của 2 người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông Q.

[2.2] Xét về con chung: có 02 con Trần Thế T, sinh ngày 29-9-2008 và Trần A, sinh ngày 16-8-2012. Nguyện vọng con chung sống với mẹ. Bà Th yêu cầu được nuôi 02 con. Nhận thấy; từ sau khi vợ chồng sống ly thân bà Th là người quan tâm và chăm sóc cho con chu đáo. Tránh làm xáo trộn của sống của trẻ thơ. Giao con cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng. Sau này bà Th có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kim Thị Th đối với ông Trần Văn Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Th được ly hôn ông Trần Văn Q.

- Về con chung: Giao 02 con chung Trần Thế T, sinh ngày 29-9-2008 và Trần A, sinh ngày 16-8-2012 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông Q có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Kim Thị Th nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008668 ngày 20-12-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà Th đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;
- Thi hành án dân sự h.Long Điền;
- UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Trúc